

Bản án: 11/2024/DS-PT

Ngày: 24/01/2024

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thanh Ngân**

Các Thẩm phán: Ông **Hồ Hữu Thắng**

Bà **Lê Thị Thọ**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Xoàn –Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà **Đặng Kim Quang** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023, về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 204/2022/DS - ST ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1966. Có mặt

Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Hồ Quốc T – Văn phòng L1, Đoàn Luật sư tỉnh H.

Địa chỉ: Số A, ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn:

1. Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1956.

2. Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của các bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hà N**, sinh năm 1979 (VBUQ ngày 18/5/2021 và ngày 27/01/2021). Có mặt

Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn: Luật sư Phạm Anh T2 – Văn phòng L2, Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

Địa chỉ: Số H đường số G, phường C, quận G, TP Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà La Thị T3. Có mặt

Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Hà N. Có mặt

Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3. Ông Nguyễn Văn N1. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

4. Ông Nguyễn Văn P

Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

5. Bà Nguyễn Thị Mỹ X

Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông P và bà X: Bà **Nguyễn Thị Hà N**, sinh năm 1979 (VBUQ ngày 23/5/2022)

6. Bà Nguyễn Thị Minh C. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

7. Ông Tô Văn Đ. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

* Người kháng cáo: Ông **Nguyễn Văn T1**, bà Trần Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn – ông Nguyễn Văn M trình bày: Thừa đất số 188, diện tích 9.292m² và thửa đất số 189, diện tích 160m² thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị L có nguồn gốc là do cha mẹ để lại. Vào tháng 3/2001, anh ruột ông là ông Nguyễn Văn T1 và chị dâu ông là bà Trần Thị L có cho ông một phần đất thuộc thửa 188 ngang 15m, dài 30m, diện tích 450m². Việc tặng cho có làm giấy tay và có chính quyền địa phương xác nhận. Vào ngày 23/4/2001, Ủy ban nhân dân thị xã V (nay là thành phố V) đã tặng nhà tình thương cho gia đình ông và căn nhà tình thương được xây dựng trên phần đất ông được tặng cho. Sau đó, do hoàn cảnh khó khăn nên ông đã bán một phần đất

diện tích ngang 06m, dài 30m cho người khác. Lúc này do ông chưa tách thửa và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc bán đất do anh ông là ông T1 thực hiện, sau đó ông T1 đưa tiền lại cho ông. Phần diện tích còn lại ngang 09m, dài 30m, ông quản lý sử dụng cho đến nay. Quá trình ông sử dụng đất các thành viên trong gia đình của ông T1 điều biết và không có ai tranh chấp. Đến đầu năm 2020 khi ông sửa chữa mái hiên cấp nhà chính thì ông T1 ra ngăn cản và đòi lại phần đất đã cho ông trước đây. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận cho ông được quyền sử dụng phần đất có diện tích 270m², tại thửa đất số 188, tọa lạc tại khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang thuộc quyền sử dụng của ông M.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày yêu cầu Tòa án công nhận cho ông được quyền sử dụng phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích 247,5m² (theo Mảnh trích đo địa chính số 15/2021 ngày 30/12/2021 của Công ty TNHH T6 - Chi nhánh H1) thuộc quyền sử dụng của ông M.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Hồ Quốc T trình bày: Ông Nguyễn Văn M đã được ông Nguyễn Văn T4 và bà Trần Thị Lệ t cho quyền sử dụng đất vào năm 2001, việc tặng cho là đúng quy định của pháp luật, ông M đã được chính quyền địa phương tặng nhà tình thương vào năm 2001 và sinh sống ổn định cho đến nay. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 13/6/2022 gửi Tòa án và biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 20/5/2021 đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị L là bà Nguyễn Thị Hà N trình bày: Vào năm 2001, ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị L có cho ông Nguyễn Văn M một phần đất ngang 06m, dài 30m. Nhưng do nợ nần nên ông M đã chuyển nhượng phần đất này cho ông Nguyễn Việt H. Khi đó, ông M chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông T1 và bà L mới ký hợp đồng chuyển nhượng phần đất này và đưa lại toàn bộ số tiền bán đất cho ông M. Phần đất này hiện tại ông H đã được cấp giấy chứng nhận và không có tranh chấp.

Phần đất hiện tại đang tranh chấp có diện tích khoảng ngang 9m, dài 30m, ông T1 và bà L chỉ cho ông M ở nhờ, phần đất này hiện tại ông T1 và bà L vẫn còn đứng tên chủ sử dụng đất. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông M thì ông T1 và bà L không đồng ý, vì phần đất này ông T1 và bà L chỉ cho ở nhờ, nay ông M đã mua được phần đất khác thì ông M phải trả lại phần đất này cho ông T1 và bà L. Ông T1 và bà L yêu cầu Tòa án công nhận phần đất này thuộc quyền sử dụng của ông T1 và bà L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thanh N2 trình bày: Ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị L chỉ cho ông Nguyễn Văn M ở nhờ, hiện tại ông Nguyễn Văn M đã có quyền sử dụng đất ở chỗ khác nên ông M phải trả lại đất cho ông T1 và bà L. Mặt khác, bà L không biết chữ, bà L chỉ lặn tay và các thành viên trong hộ gia đình của ông T1 không có ký tên vào giấy cho quyền sử dụng đất ngày 05/3/2001. Cho nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc nguyên đơn phải trả lại phần đất tranh chấp cho bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà La Thị T5 trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Văn M1, bà thống nhất với phần trình bày của ông M1. Bà yêu cầu Tòa án công nhận phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông M1.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hà N đồng thời cũng là đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Mỹ X trình bày: Trước đây hộ gia đình của ông Nguyễn Văn T1 có cho ông Nguyễn Văn M ở nhờ. Nay ông M đã mua được phần đất ở nơi khác vì vậy yêu cầu Tòa án buộc ông M phải trả lại phần đất cho gia đình ông T1 sử dụng.

Trong bản tự khai gửi Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1 trình bày: Trước đây hộ gia đình của ông Nguyễn Văn T1 có cho ông Nguyễn Văn M ở đậu. Nay yêu cầu ông M phải trả lại đất cho hộ gia đình ông T1.

Bà Nguyễn Thị Minh C, ông Tô Văn Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 204/2022/DS - ST ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M.
2. Công nhận cho ông Nguyễn Văn M được quyền sử dụng phần đất có diện tích 247,5m², thuộc một phần thửa đất 50, thuộc tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Được ký hiệu tại các ô số I của Mảnh trích đo địa chính số 15-2021 ngày 30/12/2021 của Công ty TNHH T6 – Chi nhánh H1 có số đo cụ thể như sau:

Cạnh thứ nhất tiếp giáp đường Nguyễn Viết X1 có số đo 9m; cạnh thứ hai giáp thửa đất 50, có số đo 27,5m; cạnh thứ ba giáp thửa đất 54, có số đo 9m; cạnh thứ tư giáp thửa đất 55, có số đo 27,5m.

(Kèm theo bản án là Mảnh trích đo địa chính số 15-2021 ngày 30/12/2021 của Công ty TNHH T6 – Chi nhánh H1).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 14/11/2022, ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị L nộp đơn kháng cáo yêu cầu phúc thẩm xem xét bản án dân sự sơ thẩm số 204/2022/DS - ST ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Nguyên đơn – ông Nguyễn Văn M trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Thống nhất theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – ông Hồ Quốc T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn – bà Nguyễn Thị Hà N trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – ông Phạm Anh T2 trình bày: Giấy tặng cho quyền sử dụng đất không có giá trị pháp lý do bà L không có ký tên, ông T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2020, ông M đều biết sự việc. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận giấy tặng cho quyền sử dụng đất, do không có giá trị về mặt pháp lý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nguồn gốc và hiện trạng đất tranh chấp:

Các bên đều xác định nguồn gốc của phần đất tranh chấp là do cha, mẹ của ông Nguyễn Văn T1 để lại cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị L sử dụng. Hộ gia đình ông T1 và bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2000, sau đó được cấp đổi lại vào năm 2020.

Hiện trạng phần đất tranh chấp, các bên xác định ông Nguyễn Văn M là người quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp từ năm 2001 cho đến nay.

Theo kết quả đo đạc thực tế tại Mảnh trích đo địa chính số 15-2021 ngày 30/12/2021 của Công ty TNHH T6 – Chi nhánh H1, phần đất tranh chấp có diện tích là 247,5m², thuộc thửa đất số 50, loại đất BHK, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, được ký hiệu ô số I. Phần đất này hiện do ông Nguyễn Văn M quản lý sử dụng, trên phần đất có căn nhà tình thương của ông M đang ở hiện nay.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Giấy tặng cho quyền sử dụng đất ngày 05/3/2021 giữa ông Nguyễn Văn T1 với ông Nguyễn Văn M được Ủy ban nhân dân phường I, thị xã V, tỉnh Cần Thơ (cũ) xác nhận vào ngày 20/3/2001 là đúng về hình thức theo quy định tại Điều 129 của Luật đất đai 2003, sửa đổi, bổ sung 2009. Mặc dù tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất, phần đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông T1 nhưng chỉ có ông T1, bà L ký tên vào giấy tặng cho; tuy nhiên, các thành viên trong hộ gia đình có quan hệ huyết thống với ông T1 và bà L không ai phản đối hay ngăn cản việc tặng cho cũng như việc sử dụng của ông M. Sau khi được tặng cho, vào ngày 23/4/2001, ông M đã được chính quyền địa phương xây dựng nhà tình nghĩa và sử dụng ổn định công khai từ năm 2001 cho đến nay. Điều này càng cho thấy các thành viên trong hộ gia đình ông T1 đều thống nhất việc tặng cho phần đất tranh chấp này cho ông M.

[2.2] Ở Tòa án cấp sơ thẩm, phía bị đơn cho rằng chữ ký trong giấy cho quyền sử dụng đất thổ cư không phải chữ ký của ông Nguyễn Văn T1, bà Trần Thị L, bà L không biết chữ, chỉ biết lặn tay. Phía bị đơn cũng có yêu cầu Tòa án tiến hành giám định chữ ký của ông T1 và bà L, tuy nhiên ông T1 chỉ cung cấp được bản gốc mẫu so sánh ở thời điểm năm 2021, không cung cấp được mẫu chữ ký so sánh tại thời điểm trước, trong, hoặc gần thời điểm tháng 3/2001 nên chưa đủ cơ sở để giám định; còn bà Trần Thị L không cung cấp chữ ký và tài liệu mẫu so sánh nên Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện thủ tục giám định đối với chữ ký “lệ” trong giấy cho quyền sử dụng đất. Điều này cho thấy việc ông T1 và bà L cho rằng chữ ký trong Giấy cho quyền sử dụng đất thổ cư không phải của ông T1 và bà L là không có cơ sở xem xét.

Ở Tòa án cấp phúc thẩm, phía bị đơn cho rằng trong Giấy cho quyền sử dụng đất thổ cư đã có sự chỉnh sửa diện tích tặng cho lên “450m²”. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số 314/KL-KTHS ngày 29/11/2023 của V, Bộ C1 đã kết luận: “Các số, chữ “450m²” ở dòng chữ viết thứ 20, 23 tính từ trên xuống trên trang 1 mẫu cần giám định ký hiệu A không bị sửa chữa”. Ngoài ra, phía bị đơn còn yêu cầu giám định chữ viết, mực viết trong Giấy cho quyền sử dụng đất thổ cư có cùng một loại mực không, có được viết/ghi trong cùng thời điểm không.

Tuy nhiên, V, Bộ C1 từ chối giám định do không đủ điều kiện để tiến hành giám định. Do vậy việc ông T1 và bà L cho rằng diện tích cho đã bị chỉnh sửa trong Giấy cho quyền sử dụng đất thổ cư cũng không có căn cứ để xem xét.

[2.3] Bị đơn cho rằng chỉ cho nguyên đơn ở nhờ trên phần đất tranh chấp, khi nào ông M có được quyền sử dụng đất khác sẽ trả lại đất cho ông T1. Tuy nhiên, theo Giấy cho quyền sử dụng đất thổ cư có xác nhận ngày 05/3/2001 thì nội dung là ông T1 và bà T5 được quyền sử dụng vĩnh viễn phần đất được cho. Vì vậy, việc bị đơn cho rằng chỉ cho nguyên đơn ở nhờ là không phù hợp.

[2.4] Từ những phân tích trên, xét thấy việc ông M được tặng cho quyền sử dụng đất là có thật, việc tặng cho đã được chính quyền địa phương xác nhận và việc tặng cho đúng về mặt hình thức theo quy định tại Điều 129 của Luật đất đai 2003, sửa đổi, bổ sung 2009. Ông T1 và bà L đã giao đất cho ông M sử dụng, ông M đã được chính quyền địa phương xây dựng nhà tình thương trên phần đất được cho và sử dụng ổn định từ năm 2001 đến nay các thành viên của hộ gia đình ông T1, bà L cũng biết việc này và không có ngăn cản. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 100 Luật đất đai 2013 để xác định nguyên đơn ông Nguyễn Văn M đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất là có cơ sở.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, cũng như phản bác ý kiến của phía nguyên đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Hậu Giang, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về chi phí giám định chữ ký: Do việc giám định chữ ký không tốn chi phí nên bị đơn được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí giám định chữ ký là 7.000.000 đồng. Bị đơn đã nhận lại xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 164 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 129 của Luật đất đai 2003, sửa đổi, bổ sung 2009;

Căn cứ Điều 100 Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị L.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M.

2. Công nhận cho ông Nguyễn Văn M được quyền sử dụng phần đất có diện tích 247,5m², thuộc một phần thửa đất 50, thuộc tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Được ký hiệu tại các ô số I của Mảnh trích đo địa chính số 15-2021 ngày 30/12/2021 của Công ty TNHH T6 – Chi nhánh H1 có số đo cụ thể như sau:

Cạnh thứ nhất tiếp giáp đường Nguyễn Viết X1 có số đo 9m; cạnh thứ hai giáp thửa đất 50, có số đo 27,5m; cạnh thứ ba giáp thửa đất 54, có số đo 9m; cạnh thứ tư giáp thửa đất 55, có số đo 27,5m.

(Kèm theo bản án là Mảnh trích đo địa chính số 15-2021 ngày 30/12/2021 của Công ty TNHH T6 – Chi nhánh H1).

Ông Nguyễn Văn M có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký tài sản đối phần đất tranh chấp có diện tích 247,5m², thuộc một phần thửa đất 50, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang qua tên riêng của ông Nguyễn Văn M.

3. Về chi phí thẩm định, vẽ lược đồ phần đất tranh chấp và thẩm định giá tài sản: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 7.952.000 đồng (Bảy triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn đồng) để hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn M đã tạm nộp trước đó.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ liên đới chịu 300.000 đồng. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006335 ngày 09 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị L mỗi người chịu 300.000 đồng. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001749 và 0001750 ngày 15 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 24/01/2024.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND TP. Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP. Vị Thanh ;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Ngân